

Bản án số: 282/2017/DS-ST

Ngày: 31/7/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Cao Văn Hùng

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên

Trong ngày 31/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2017/TLST-DS ngày 27/3/2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/QĐDS-ST ngày 22/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/QĐST - DS ngày 12/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: Đường N, Phường L, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông K, giấy ủy quyền ngày 10/3/2017 (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Đường N, Khu phố M, phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông K trình bày:

Vào ngày 20/7/2011 bà N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng tín dụng. Cùng ngày 20/7/2011 Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 472074-2702 cho bà N có hạn mức là 20.000.000 đồng với thời hạn là 03 năm, lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà N đã sử dụng thẻ tín dụng nói trên để giao dịch rút tiền mặt, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 25/8/2011 bà N

rút tiền mặt với tổng số tiền là 19.528.000 đồng và đã thực hiện giao dịch thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 25/9/2011, từ ngày 25/9/2011 đến nay bà N không tiếp tục thanh toán số tiền còn lại. Căn cứ Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền 2.000.000 đồng bà N đã nộp được trừ vào các khoản trả nợ theo thứ tự thanh toán như: Phí trễ hạn là 619.577 đồng, phí vượt hạn mức là 150.000 đồng, phí thường niên và phí rút tiền mặt là 524.400 đồng, lãi trong hạn là 2.202.330 đồng số tiền gốc bà N còn nợ của Ngân hàng là 21.025.307 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/7/2017 với tổng số tiền là 59.831.074 đồng (bao gồm tiền gốc là 21.025.307 đồng, tiền lãi quá hạn là 38.805.767 đồng).

Bị đơn bà N từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành triệu tập bà N đến Tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S nhưng bà N không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng bà N vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án. Về mặt tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lê Thị N có địa chỉ địa chỉ cuối cùng tại phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng thương mại cổ phần S là một bên trong hợp đồng có đơn khởi kiện, nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đệ ngày 10/3/2017 và chứng cứ kèm theo của Ngân hàng, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện là ba năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, như vậy hai bên ký Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng tín dụng vào ngày 20/7/2011 với thời hạn sử dụng thẻ tín dụng là ba năm, đến ngày 10/3/2017 Ngân hàng khởi kiện là còn trong thời hiệu, được pháp luật quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng ủy quyền cho ông K tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 10/3/2017 là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Lê Ngọc K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt ông K.

Bị đơn bà N sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để trình bày lời khai, hòa giải, đối chất và lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do bà N vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Lê Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký kết ngày 20/7/2011 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà N có cơ sở để xác nhận giữa nguyên đơn và bà N đã phát sinh quan hệ giao dịch vay tài sản. Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 472074 - 2702 bà N đã thực hiện nhiều lần rút tiền mặt với số tiền 19.528.000 đồng. Đồng thời, bà N cũng giao dịch thanh toán qua thẻ tín dụng nói trên cho Ngân hàng với tổng số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 25/9/2011. Từ ngày 25/9/2011 cho đến nay bà N không thanh toán tiếp số tiền còn lại cho Ngân hàng, đây chính là nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp giữa Ngân hàng đối với bà N.

Về khoản tiền nợ gốc: Xét trong thời hạn vay kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà N sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch rút tiền mặt với số tiền là 19.528.000 đồng và mới chỉ thanh toán quá hạn cho Ngân hàng tổng số tiền là 2.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng được các bên xác lập vào ngày 11/5/2016. Sau khi trừ các khoản phí và lãi quá hạn, Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán số nợ gốc 21.025.307 đồng là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Về khoản tiền lãi và phí: Xét Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền lãi và phí là 38.805.767 đồng là phù hợp với quy định về mức lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.991.553 đồng bà Lê Thị N phải chịu;

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Lê Thị N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 59.831.074 đồng (bao gồm tiền gốc là 21.025.307 đồng, tiền lãi quá hạn và phí là 38.805.767 đồng, thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà N phải chịu 2.991.553đ (Hai triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm năm mươi ba đồng);

- Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 511.095 đồng, theo biên lai thu số số 0014585 ngày 28/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.Thủ Đức; (1)
- CC.THADS Q. Thủ Đức; (1)
- Hai bên đ/sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Vp. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Văn Thắng